

CHÍNH TRỊ - LUẬT

TÌM HIỂU THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ PERU

Nguyễn Anh Hùng
Viện Nghiên cứu Châu Mỹ

Thể chế chính trị Peru là mô hình và đặc trưng cơ cấu tổ chức quan trọng nhất trong đời sống chính trị xã hội của quốc gia này. Với tính chất tổng hợp, đa dạng, phân quyền và biến động cao, nó ảnh hưởng quyết định tới những phần còn lại của xã hội, tạo nên sự cuốn hút cùng vai trò, giá trị, vị thế Peru ở khu vực Nam Mỹ và trên thế giới.

I. Tư tưởng chính trị và Hiến pháp nhà nước.

A. Tư tưởng chính trị

Trong xã hội Peru luôn tồn tại nhiều tư tưởng chính trị, cho dù với từng thời kỳ, giá trị, ưu thế của mỗi tư tưởng và tương quan giữa các tư tưởng là rất khác nhau. Đây trở thành yếu tố cơ bản tạo nên sự đa dạng, phức tạp và đầy biến động của nền chính trị Peru.

Tư tưởng cực quyền nảy sinh sớm nhất và thể hiện tiêu biểu vào thời đế chế Inca. Quan niệm này cho rằng mọi quyền lực của quốc gia phải do một nhân vật nắm giữ. Nhân vật ấy là chủ thể tổng hợp, tối cao và duy nhất của quyền lực; không chỉ đứng trong, đứng đầu mà còn đứng trên cả nhà nước; đại diện cho ý chí của toàn dân và của lẽ tự nhiên (trời đất), siêu nhiên (thần thánh). Rất thịnh trị trong thời phong kiến, sang thời tư

bản tư tưởng cực quyền suy yếu nhiều, nhưng vẫn tồn tại và đôi khi bộc lộ đậm nét bằng việc thiết lập chính thể độc tài. Nhìn chung, tư tưởng cực quyền rất thiếu cân đối và kém dân chủ, nhưng nó vẫn có tác dụng tập trung điều hành và ổn định trật tự chính trị xã hội.

Tư tưởng nhị nguyên lại xuất phát từ yếu tố địa lý xã hội. Ngay từ thời thuộc địa, Peru - giống như đặc điểm địa lý của nó - đã bị phân chia về kinh tế, xã hội và chính trị giữa khu vực nội địa cao nguyên rộng lớn theo chủ nghĩa nửa phong kiến với khu vực bờ biển của người Tây Ban Nha lai thổ dân châu Mỹ đô thị (gọi là *mestizo*) theo chủ nghĩa tư bản hiện đại hơn. Việc di cư ra thành phố, miền duyên hải và cô lập nông thôn, vùng sâu vùng xa tạo đà phát triển cho tư tưởng nhị nguyên, kéo theo đó là các quan điểm và những thiết chế chính trị tương ứng. Hậu quả là cấu trúc xã hội Peru bị phân chia thành 2 tầng rõ rệt: một lượng nhỏ những người giàu có, uy quyền, xuất thân từ đô thị ven biển đã thống trị phần lớn dân cư Peru sống trong nghèo đói, dốt nát và bệnh tật nơi cao nguyên, nông thôn.

Tư tưởng ngoại trị hình thành và phát triển theo sự đô hộ của người Tây Ban Nha. Kẻ ngoại xâm tuyên truyền rằng xã hội bản địa Peru được kết cấu bởi nhiều dân tộc chưa văn

minh. Xã hội ấy muốn tiến lên, muốn có trí tuệ và sức mạnh đáng kể thì cần phải được sự quản lý, dẫn dắt của lực lượng nước ngoài phù hợp. Tư tưởng này dần sâu rộng qua suốt gần 3 thế kỷ thống trị Peru của thực dân Tây Ban Nha. Nó càng được khẳng định vững chắc hơn khi Peru được độc lập, thoát khỏi chế độ thuộc địa năm 1824 cũng hoàn toàn do công lao của những người ngoại quốc là Simon Bolivar Palacios người Venezuela và Jose de San Martin quốc tịch Argentina. Người ngoại quốc sau đó tiếp tục có uy thế và ảnh hưởng lớn trong xã hội Peru. Chile chiếm đóng Peru kết thúc cuộc chiến Thái Bình Dương (1879 - 1883) đã phá huỷ và sở hữu rất nhiều tài sản, đồng thời thôn tính một phần lãnh thổ quốc gia. Lực lượng ngoại quốc cũng đã khai thác triệt để những nguồn tài nguyên thiên nhiên giàu có của Peru - từ kim loại bạc trong thời kỳ thuộc địa đến lượng phân chim, nitrat vào thế kỷ 19 và đồng, dầu mỏ cùng nhiều kim loại mỹ nghệ khác nữa trong suốt thế kỷ 20. Việc khai thác trên cùng một số lý do xã hội đã đưa những người có quan điểm biện hộ cho cái lý thuyết phụ thuộc của Peru đến kết luận là nền kinh tế phụ thuộc chủ yếu vào xuất khẩu của Peru được tạo ra và thao túng bởi lợi ích của những người ngoại quốc liên minh với các thế lực đầu sỏ chính trị trong nước. Tư tưởng ngoại trị ở Peru thời nay vẫn còn rất mạnh, mà ví dụ tiêu biểu là việc đắc cử và cầm quyền suốt 10 năm (1990 - 2000) của Tổng thống Fujimori - một người có quê gốc và là công dân Nhật Bản.

Tư tưởng phân tán cũng hình thành từ rất sớm, luôn tồn tại và phát triển do đặc trưng cơ bản của xã hội Peru là mức độ đa dạng, phân hoá và biến đổi cao. Sự phân tán diễn

ra mạnh về quan điểm liên kết giữa cấp trung ương với địa phương và giữa các cấp trung ương với nhau. Trong tổ chức Nhà nước - thiết chế chính trị quan trọng nhất - tư tưởng phân tán thể hiện rất đậm nét. Chẳng hạn, ở hầu hết các nước tư bản ngày nay, quyền lực nhà nước được phân thành 3 nhánh (lập pháp, hành pháp, tư pháp) thì ở Peru lại chia thành tới 6 nhánh: lập pháp, hành pháp, tư pháp, kiến tạo (bầu cử), kiểm soát, an ninh.

Tư tưởng tam hùng hình thành từ cuối thế kỷ 19 và thể hiện đặc sắc bằng "chế độ tam hùng" trong thời kỳ 1930 - 1968. Từ những năm 1860, giới thượng lưu, quý tộc và các nhóm có uy thế trong xã hội đã liên kết, hình thành nên một tổ chức với tên gọi "*civilista*". Sau cuộc chiến Thái Bình Dương, họ lập đảng *Civilista* và nhanh chóng thao túng chính trường. Tuy nhiên, họ quan niệm quyền lực chính trị chỉ mạnh mẽ và bền vững nếu là quyền lực tổng hợp, có sự hỗ trợ lẫn nhau giữa công quyền (quyền của Nhà nước) với vũ quyền (quyền của lực lượng vũ trang) và thần quyền (quyền của giáo hội). Vì vậy, họ kết thân với quân đội cùng nhà thờ Công giáo và từ những năm 1930 đã tạo dựng ở Peru một "chế độ tam hùng" mà quyền lực tập trung vào bộ ba trùm sỏ chính trị - tướng lĩnh - giáo sĩ. Cuộc cách mạng năm 1968 đã phá bỏ chế độ tam hùng. Tư tưởng tam hùng vì thế cũng suy yếu nhiều, cho dù vẫn còn tồn tại đến tận ngày nay.

B. Hiến pháp nhà nước

Nhà nước Peru xây dựng, quản lý và điều chỉnh xã hội bằng pháp luật với đạo luật cơ bản, tổng hợp và quan trọng nhất là Hiến pháp (mọi luật lệ khác được ban hành, thực thi phải

phù hợp với Hiến pháp, không được trái với Hiến pháp). Kể từ khi San Martin đọc bản Tuyên ngôn Độc lập ngày 28/7/1821 cho đến nay, Peru đã 11 lần thay đổi Hiến pháp. Tất cả các Hiến pháp ấy đều thiết lập một hình thức chính thể cộng hoà với những mức độ quyền lực khác nhau tập trung vào cơ quan hành pháp. Hiến pháp 1823 - bị chi phối bởi người Pháp và Tây Ban Nha - đã xoá bỏ hoàn toàn chế độ quân chủ cha truyền con nối, là bộ luật cơ bản chính thức đầu tiên của Nhà nước Peru do Hội đồng Lập hiến soạn thảo dưới sự uỷ thác của nhân dân.

Việc Simon Bolivar Palacios (cầm quyền 1824 -1825, 1826) ra đi ngày 3/9/1826 đã đánh dấu sự bắt đầu một giai đoạn dài của lịch sử Peru với rất nhiều cuộc nổi loạn và bất ổn chính trị, hầu như đất nước không có được sự yên bình. Chỉ trong 19 năm (1826 - 1845) đã thay tới 12 đời Tổng thống và áp dụng 3 Hiến pháp khác nhau (ban hành năm 1828, 1834, 1839). Hình thức cơ bản của các Hiến pháp này tương đối giống nhau: đều quy định về một chế độ tập trung, về sự đảm bảo và quyền cá nhân mở rộng, về các cơ quan lập - hành - tư pháp, về bầu cử Tổng thống và Quốc hội gián tiếp... Nhưng cái khác chính là những quy định chi tiết liên quan đến quyền lực của cơ quan hành pháp. Nội dung Hiến pháp Peru 1828 chuyển sang chế độ phân quyền quản lý và thể hiện ảnh hưởng đáng kể từ Hiến pháp Mỹ 1787. Hiến pháp 1834 quy định quyền lực tập trung vào ngành hành pháp, hạn chế ngành lập pháp và tư pháp. Hiến pháp 1839 lại làm dịu xu hướng đó, chẳng hạn như quy định quân đội phải phụ thuộc vào quyền lực dân sự, phương thức bầu cử phổ thông trực tiếp và việc ban cấp,

chuyển giao quyền hành cho các đoàn thể. Hiến pháp 1839 còn quy định mở rộng nhiệm kỳ Tổng thống từ 4 lên 6 năm nhưng Tổng thống không được tái cử.

Khi Castilla (1845 - 1851, 1855 - 1862) lên cầm quyền từ năm 1845 thì Peru bước vào thời kỳ khá hoà bình và thịnh vượng. Hiến pháp 1856 mang tính tự do và dân chủ hơn. Đây là Hiến pháp đầu tiên có quy định bầu phổ thông trực tiếp Tổng thống và Quốc hội. Tiếp theo, Hiến pháp 1860 lại mang tính bảo thủ, song nó có hiệu lực dài tới 60 năm (chỉ bị gián đoạn hai lần ngắn vào các năm 1862 - 1868 và 1879 -1881). Hiến pháp này rút nhiệm kỳ Tổng thống xuống còn 4 năm (Tổng thống được quyền tái cử cách 1 nhiệm kỳ), nhưng lại cho tăng mạnh quyền lực Tổng thống và quy định một chính phủ theo cơ chế tập trung hơn rất nhiều. Hiến pháp 1860 rất coi trọng đến mối quan hệ giữa cơ quan lập pháp và hành pháp. Nó yêu cầu các bộ trưởng trong Nội các, ngoài trách nhiệm phải báo cáo trước Tổng thống ra còn phải báo cáo trước Quốc hội. Nó cũng quy định rõ là vào cuối mỗi kỳ họp của cơ quan lập pháp, Quốc hội có quyền kiểm tra những văn bản hành chính của Tổng thống xem có phù hợp, đồng bộ với Hiến pháp và pháp luật hay không.

Hiến pháp 1920 nhìn chung được coi là rộng rãi hơn Hiến pháp 1860 và có quy định nhiều bảo đảm dân sự hơn. Mặc dù xây dựng nên một cơ quan hành pháp mạnh và tăng nhiệm kỳ Tổng thống từ 4 lên 5 năm, nhưng nó lại có nhiều phương thức mới về giám sát và kiểm tra đối với cơ quan này. Hiến pháp 1920 huỷ bỏ quyền lực truyền thống về việc đình chỉ những quyền đảm bảo của Quốc hội trong các giai đoạn đất nước lâm vào

tình trạng khẩn cấp và tăng cường nguyên tắc trách nhiệm của Nội các trước Quốc hội.

Trên lý thuyết, Hiến pháp 1933 có hiệu lực tận đến năm 1980 mặc dù chính phủ dân sự nhiều lần bị gián đoạn (những năm 1933 - 1939, 1948 - 1956, 1968 - 1980). Hiến pháp này hạn chế một số quyền lực Tổng thống và xây dựng nên một chế độ kết hợp giữa Tổng thống với Quốc hội. Nó cũng chứa nhiều điều khoản quy định tự do ngôn luận, tự do tôn giáo, phương thức bầu cử phải bằng phiếu kín, trực tiếp và bắt buộc. Tổng thống không được bổ nhiệm hay bãi miễn bất kỳ thành viên Nội các nào nếu chưa được sự đồng ý của Quốc hội - điều này đã gây nhiều hạn chế cho mối quan hệ của cơ quan hành pháp với lập pháp, nhất là dưới thời chính phủ Tổng thống Belaunde 1963-1968.

Sau rất nhiều khó khăn, biến động từ các vấn đề thuế, cải cách ruộng đất cho đến bê bối hợp đồng với Tổng Công ty Dầu khí Quốc tế (IPC), Belaunde đã bị lực lượng vũ trang cầm đầu bởi Tướng Velasco (1968-1975) lật đổ ngày 3/10/1968. Một chính phủ cách mạng theo chế độ quân sự cánh tả tiến bộ ra đời, rất nỗ lực để thực hiện những cải cách về cơ cấu, nó vẫn duy trì quyền lực độc tài nhưng ôn hoà hơn. Tiếp theo sự cải cách nội bộ táo bạo vào năm 1975 và việc thay đổi sang cách quản lý kinh tế chính thống mặc dù có gia tăng thâm hụt tài chính và lạm phát, cũng như làm tăng tính bất ổn xã hội, chính phủ quân sự đã phải kêu gọi Hội đồng Lập hiến dân sự soạn thảo một bản Hiến pháp mới.

Hiến pháp Peru 1979 (do Chủ tịch Hội đồng Lập hiến Torre ký ngày 12/7/1979) bị ảnh hưởng rất nhiều từ nền cộng hoà thứ năm của Pháp (tổ

chức theo Hiến pháp Pháp 1958). Hiến pháp 1979 xây dựng nên một chế độ cộng hoà hỗn hợp với cơ quan lập pháp có hai Viện, và một Hội đồng Bộ trưởng (đứng đầu là Thủ tướng) do Tổng thống bổ nhiệm. Là một văn bản lớn, nó bao trùm lên rất nhiều quyền và nghĩa vụ của chính phủ, cá nhân và doanh nghiệp. Nó cũng xây dựng nên cơ cấu chính phủ và các giải pháp được uỷ thác để tác động lên những thay đổi của xã hội, bao gồm cả loại bỏ mù chữ và xoá đói giảm nghèo.

Ngày 5/4/1992, để trấn áp biến động chính trị, Tổng thống Fujimori đã mạnh bạo đình chỉ Hiến pháp 1979. Quốc hội cùng các cơ quan tư pháp cũng bị giải tán sau đó và việc soạn thảo một bản Hiến pháp mới bắt đầu. Hiến pháp 1993 (thông qua ngày 31/12/1993) vẫn quy định thể chế cộng hoà hỗn hợp, nhưng toàn diện và ôn hoà hơn. Quốc hội chỉ là đơn nhất (không còn hai Viện như trước) để quyền lập pháp được tập trung. Bộ máy hành pháp trung ương được mở rộng vì ngoài Tổng thống (nhiệm kỳ 5 năm và có thể tái cử), hai Phó Tổng thống, Thủ tướng, các bộ trưởng, còn có thêm một số cương vị hỗ trợ. Hiến pháp cũng đảm bảo rất nhiều quyền lợi cho nhân dân bao gồm quyền sống, quyền toàn vẹn về thể lý, quyền tự do, quyền biểu hiện và liên kết... đồng thời không giới hạn sự phát triển tính cách của từng cá nhân. Lực lượng vũ trang phải chịu sự điều hành của chính quyền dân sự. Giáo hội Công giáo có quyền hợp tác chặt chẽ với Nhà nước nhưng Công giáo không phải là quốc đạo và vấn đề tôn giáo tùy thuộc sự lựa chọn của từng cá nhân chứ không ép buộc. Công nhân được đảm bảo các quyền thành lập hiệp hội lao động, thương lượng tập

thể, đình công, tham gia vào quản lý nơi làm việc... và hưởng lợi nhuận. Quan chức (với ngoại lệ là có quyền đưa ra quyết định), binh lính, cảnh sát không được quyền đình công.

II. Các thiết chế chính trị.

A. Cơ quan lập pháp trung ương

1. Cơ cấu và phương thức thiết lập

Quyền lập pháp của Nhà nước Peru trao cho Quốc hội đơn nhất (chỉ có một Viện). Quốc hội được thiết lập bằng bầu phổ thông trực tiếp 5 năm một lần với cơ cấu 120 thành viên bao gồm một Chủ tịch, một số Phó Chủ tịch và các nghị sĩ.

Để có thể ứng cử vào Quốc hội (trở thành nghị sĩ), tiêu chuẩn tối thiểu phải là công dân Peru không dưới 25 tuổi, có quyền đi bầu, không phải là Tổng thống, các quan chức cao cấp, các thành viên lực lượng vũ trang (những người này nếu muốn ứng cử vào Quốc hội thì phải từ bỏ cương vị của họ trước lúc bầu cử ít nhất 6 tháng).

Những khi Quốc hội không họp, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nó sẽ trao cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội (trừ những vấn đề liên quan tới việc sửa đổi Hiến pháp, phê chuẩn hiệp ước quốc tế, thông qua luật ngân sách, luật tài khoản và các đạo luật cơ bản). Ủy ban Thường vụ có cơ cấu không quá 20% nghị sĩ (tức là không quá 24 người) với Chủ tịch chính là Chủ tịch Quốc hội.

2. Chức năng, hoạt động và quyền hạn

Nghị sĩ Quốc hội Peru là chuyên nghiệp. Họ không được phép hoạt động ở bất cứ chức năng nào khác hoặc nắm giữ bất cứ một chức vụ nào khác trong suốt thời gian Quốc hội

đang hoạt động. Những nhiệm vụ của mọi người nghị sĩ cũng không thích hợp với các chức vụ của người quản lý, người được uỷ quyền, người nắm cổ phần chính, người uỷ nhiệm, thành viên ban giám đốc của các doanh nghiệp có hợp đồng với Nhà nước về các dự án hoặc cung cấp sản phẩm dự trữ, các doanh nghiệp quản lý ngân khố quốc gia hay tiến hành các dịch vụ công cộng.

Nghị sĩ Quốc hội là người đại diện cho quốc gia và họ không phải tuân theo sự uỷ trị cũng như sự triệu tập có tính bắt buộc. Họ không phải tuân theo lệnh của tòa án hoặc bị bỏ tù (nếu không có giấy phép của Quốc hội hoặc Ủy ban Thường vụ) khi họ đang tại nhiệm và trong vòng 1 tháng từ lúc mãn nhiệm. Trong công việc, họ được quyền yêu cầu các bản báo cáo mà cho là cần thiết từ các quan chức, các bộ, ngành trung ương và địa phương.

Điều 102 Hiến pháp Peru quy định 10 chức năng và quyền hạn cơ bản của Quốc hội là:

1. Lập ra những điều khoản luật và các quy định pháp lý; làm rõ, sửa đổi hoặc giảm bớt các điều khoản luật còn vướng mắc, không phù hợp.

2. Bổ sung Hiến pháp và các đạo luật; lập ra các điều khoản hợp pháp cần thiết để giam giữ những người vi phạm phải chịu trách nhiệm pháp lý.

3. Phê chuẩn các hiệp ước tuân thủ Hiến pháp.

4. Phê chuẩn các ngân sách và tài khoản chung.

5. Cho phép các khoản nợ theo Hiến pháp.

6. Thực hiện quyền ân xá, đặc xá.

7. Phê chuẩn những ranh giới lãnh thổ mà ngành hành pháp đề nghị.

8. Cho phép quân đội nước ngoài quyền vào lãnh thổ Peru, với điều

kiện là chủ quyền quốc gia không bị ảnh hưởng dưới bất cứ hình thức nào.

9. Cho quyền Tổng thống rời khỏi Peru.

10. Thực thi các quyền hạn khác được ghi rõ trong Hiến pháp và những quyền hạn gắn liền với chức năng lập pháp.

B. Cơ quan hành pháp trung ương

1. Tổng thống

a) Phương thức thiết lập

Là người đứng đầu Nhà nước và trưởng ngành hành pháp, Tổng thống đại diện cho quốc gia và nắm giữ quyền hành pháp, trực tiếp chỉ đạo, điều hành Chính phủ. Để ra ứng cử chức vụ quyền lực lớn nhất Peru này, tiêu chuẩn tối thiểu phải là công dân Peru không dưới 35 tuổi, có quyền đi bầu.

Tổng thống được thiết lập bằng bầu phổ thông trực tiếp. Ứng viên đắc cử là người nhận được hơn một nửa tổng số phiếu bầu (phiếu chưa hợp lệ và phiếu trắng không được tính). Nếu không ứng viên nào đạt được đa số tuyệt đối (hơn 50%) phiếu thì cuộc bầu cử thứ hai sẽ được tổ chức lại trong vòng 30 ngày để chọn 1 trong 2 ứng viên có số phiếu trong lần đầu cao nhất làm Tổng thống.

Tổng thống mới sẽ tuyên thệ và nhậm chức vào ngày 28/7 trong năm bầu cử. Tổng thống đảm nhiệm chức vụ theo nhiệm kỳ 5 năm và có thể tái cử.

Tổng thống sẽ thôi giữ chức vụ nếu bị chết; bị Quốc hội tuyên bố thiếu khả năng về thể chất và đạo đức; được Quốc hội chấp nhận đơn từ chức; rời bỏ lãnh thổ quốc gia mà không được phép của Quốc hội hoặc sai trái nghiêm trọng trong hành động bổ nhiệm; bị thải hồi sau khi có các vi phạm đặc biệt như phản bội Tổ quốc, ngăn cản cơ quan và

hoạt động bầu cử, giải tán Quốc hội một cách bất hợp pháp.

Hai chức Phó Tổng thống cũng được bầu cử cùng với chức Tổng thống theo cách thức tương tự, với các yêu cầu tương tự và giữ nhiệm kỳ tương đương. Hai Phó Tổng thống sẽ phụ giúp Tổng thống trong hoạt động điều hành quốc gia. Trong trường hợp Tổng thống vắng mặt tại lãnh thổ quốc gia thì Phó Tổng thống thứ nhất sẽ tạm quyền, nếu không đảm đương nổi thì Phó Tổng thống thứ hai. Trong trường hợp có trở ngại tạm thời hay lâu dài đối với Tổng thống cũng vậy. Nếu cả hai Phó Tổng thống đều bất lực thì Chủ tịch Quốc hội sẽ tạm quyền Tổng thống và có thể cho tiến hành một cuộc bầu cử Tổng thống mới.

b) Chức năng, hoạt động và quyền hạn

Chức năng, hoạt động của Tổng thống Peru rất rộng lớn và nhân vật này khá có thực quyền vì vừa đứng đầu, đại diện cho Nhà nước, cho dân tộc, lại vừa lãnh đạo hành pháp - ngành quyền lực thiết yếu. Điều 118 Hiến pháp liệt kê tới 24 nhóm chức năng và quyền hạn của Tổng thống:

1. Thực thi và yêu cầu sự hoàn thiện của Hiến pháp, các hiệp ước, các luật và những phương thức bố trí hợp pháp khác.

2. Đại diện cho Nhà nước bên trong và bên ngoài lãnh thổ Peru.

3. Chỉ đạo trực tiếp các chính sách chung của chính phủ

4. Bảo vệ trật tự trong khu vực và đảm bảo an ninh bên ngoài lãnh thổ.

5. Kêu gọi, triệu tập các cuộc bầu cử Tổng thống và Nghị sĩ Quốc hội, cũng như chức Thị trưởng, các quan chức thành phố và các quan chức khác được chỉ định bởi luật pháp.

6. Triệu tập những phiên họp lập pháp bất thường của Quốc hội và ký

vào sắc lệnh triệu tập những phiên họp ấy.

7. Gửi các bản báo cáo tới Quốc hội vào bất cứ thời gian nào, dựa trên việc khai mạc phiên họp lập pháp đầu tiên hàng năm theo cách riêng và trên văn bản. Các báo cáo hàng năm bao gồm cách bố trí, sắp xếp chi tiết về tình hình đất nước và những quá trình cải tổ, nâng cấp mà Tổng thống cho là cần thiết và thuận tiện cho quá trình xem xét của Quốc hội. Các bản báo cáo từ Tổng thống - trừ bản báo cáo đầu tiên - đều được thông qua bởi Nội các.

8. Thực hiện quyền để thi hành luật mà không vi phạm hay biến chất; đưa ra các sắc lệnh và những quyết định.

9. Thi hành những bản án và quyết định của cơ quan tư pháp.

10. Thực thi kết quả của Ban Hội thẩm Bầu cử quốc gia.

11. Nắm quyền chỉ đạo các chính sách đối ngoại và mối quan hệ quốc tế; tham gia xây dựng và ký kết những hiệp ước.

12. Bổ nhiệm những đại sứ và bộ trưởng, với sự chấp thuận của Nội các và được thông báo tới Quốc hội.

13. Đón tiếp các nhà ngoại giao nước ngoài và uỷ quyền thực hiện các nhiệm vụ lãnh sự.

14. Điều hành quốc phòng; tổ chức, phân bổ, điều động lực lượng vũ trang và cảnh sát quốc gia.

15. Thông qua các phương thức cần thiết để bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền quốc gia.

16. Tuyên chiến và tuyên hoà, với sự uỷ quyền của Quốc hội.

17. Cai quản các thuộc địa chung.

18. Thương lượng về những khoản nợ.

19. Đưa ra các phương pháp mới qua những sắc lệnh khẩn có ý nghĩa pháp luật về mặt kinh tế và các vấn

đề tài chính khi được yêu cầu bởi lợi ích quốc gia và phải thông báo tới Quốc hội. Quốc hội có thể sửa đổi hoặc huỷ bỏ các sắc lệnh.

20. Điều chỉnh thuế quan.

21. Ban bố những lệnh ân xá và bản án giảm nhẹ. Thực thi quyền ân xá hoặc chiếu cố cho những người bị kết tội trong các trường hợp việc kiện tụng tăng lên gấp đôi qua phần mở rộng thêm kỳ hạn hợp pháp.

22. Phong tặng huân, huy chương danh dự quốc gia, với sự chấp thuận của Nội các.

23. Cho phép người Peru tham gia phục vụ trong quân đội nước ngoài.

24. Thực hiện những chức năng khác của chính quyền và ngành hành pháp mà Hiến pháp và luật đã quy định.

2. Thủ tướng

Đường lối chỉ đạo và cách thức quản lý các dịch vụ công cộng được giao cho Hội đồng các bộ trưởng - gọi là Nội các, mỗi bộ trưởng đảm trách một lĩnh vực riêng. Tổng thống điều hành Nội các, triệu tập và tham dự những phiên họp.

Chủ tịch Nội các là Thủ tướng do Tổng thống bổ nhiệm và có thể cách chức. Thủ tướng có thể mang hàm bộ trưởng, nhưng không phụ trách một lĩnh vực riêng nào. Thủ tướng thực thi những nhiệm vụ cơ bản sau:

1. Là người phát ngôn được uỷ quyền trước Chính phủ, sau Tổng thống.

2. Bố trí, sắp xếp nhiệm vụ cho những bộ trưởng khác.

3. Cho phép ban hành các văn bản pháp quy, các sắc lệnh khẩn, các sắc lệnh và quyết định khác được ghi rõ trong Hiến pháp và luật.

3. Nội các

a) Phương thức thiết lập và cơ cấu

Nội các là tập hợp các bộ trưởng. Bộ trưởng được bổ nhiệm, cách chức bởi

Tổng thống, với sự chấp thuận của Thủ tướng. Tiêu chuẩn tối thiểu để có thể được bổ nhiệm làm bộ trưởng phải là công dân Peru không dưới 25 tuổi, ít nhiều am hiểu và tham gia vào lĩnh vực liên quan đến bộ đó (các thành viên lực lượng vũ trang và cảnh sát quốc gia đều có thể được bổ nhiệm làm bộ trưởng).

Không có bộ trưởng lâm thời. Tổng thống có thể giao phó cho một bộ trưởng nhiệm vụ của một bộ trưởng khác vì lý do cản trở nào đó. Vị bộ trưởng được giao phó này không thể từ chối nhưng chức vụ được giao phó cũng không kéo dài hơn 30 ngày; cũng như nhiệm vụ tiếp theo không thể được giao cho các bộ trưởng khác sau đó.

b) Chức năng, hoạt động và quyền hạn

Mỗi bộ trưởng phải chịu trách nhiệm cá nhân về các văn bản pháp quy mà mình ban hành. Các đạo luật Tổng thống ban hành có liên quan đến lĩnh vực của bộ nào mà không được bộ trưởng bộ đó thông qua thì cũng không có hiệu lực.

Mỗi quyết định của Nội các yêu cầu phải có sự biểu quyết thông qua của đa số bộ trưởng thành viên và phải ghi nhận bằng hồ sơ, văn bản.

Bộ trưởng có thể tham gia vào phiên họp Quốc hội, các cuộc thảo luận tại hội nghị... tương tự như các nghị sĩ, nhưng không được quyền bỏ phiếu, biểu quyết. Thủ tướng hoặc ít nhất một bộ trưởng phải có mặt trong phiên họp chất vấn tại Quốc hội.

Bộ trưởng có những chức năng và quyền hạn cơ bản sau:

1. Phê chuẩn các dự thảo luật mà Tổng thống đã đệ trình Quốc hội.

2. Phê chuẩn các văn bản pháp quy, các sắc lệnh khẩn được đưa ra bởi Tổng thống, cũng như các dự thảo

luật lệ và các quyết định theo những hướng chỉ đạo về luật định.

3. Đưa ra bàn bạc kỹ các vấn đề có liên quan tới lợi ích chung.

4. Thực thi những chức năng và quyền hạn khác được ghi rõ trong Hiến pháp và luật.

C. Cơ quan tư pháp trung ương

1. Toà án Công lý Tối cao

Quyền tư pháp quốc gia Peru được trao cho Toà án Công lý Tối cao cùng các toà cấp dưới nắm giữ. Toà án Công lý Tối cao gồm 12 thẩm phán với 1 Chánh án. Chánh án Toà án Công lý Tối cao cũng là người đứng đầu ngành tư pháp. Các thẩm phán Toà án Công lý Tối cao được lựa chọn, đề cử, bổ nhiệm, phê chuẩn bởi cả Tổng thống, Quốc hội lẫn Hội đồng Thẩm phán quốc gia. Tiêu chuẩn ứng viên thẩm phán Toà án Công lý Tối cao là người sinh ở Peru, là công dân được đào tạo pháp lý, ít nhất 45 tuổi và đã là thẩm phán toà cấp cao hoặc công tố viên cấp cao không dưới 10 năm, hay đã thực hành luật pháp hoặc làm giáo sư đại học dạy luật được không dưới 15 năm.

Toà án Công lý Tối cao cơ chức năng cơ bản là xét xử những vụ án quan trọng, phức tạp. Nó có thể là cơ quan duy nhất xử án (nguyên quyền) nếu vụ án có liên quan đến ngoại giao, các cơ quan công quyền trung ương và các vụ án mà một bên là tỉnh, khu vực; cũng có thể là cơ quan cuối cùng xử án (chung thẩm) trong những trường hợp khác (những vụ án được xử ở các cấp dưới nhưng các bên liên quan kháng cáo).

2. Hội đồng Thẩm phán quốc gia

Hội đồng Thẩm phán quốc gia là cơ quan độc lập, có nhiệm vụ cơ bản là chọn lựa, bổ nhiệm thẩm phán, công tố viên (trừ khi những người đó được

tuyển lựa từ các cuộc bầu chọn thông thường) và việc điều hành của bộ máy tư pháp. Nó có nhiệm kỳ 5 năm và thường bao gồm 7 thành viên được bầu chọn bằng cách bỏ phiếu kín với:

1. Một người được bầu chọn bởi Toà án Công lý Tối cao.

2. Một người được bầu chọn bởi Viện Công tố Tối cao.

3. Một người được bầu chọn bởi các thành viên của Hiệp hội Luật sư quốc gia.

4. Hai người được bầu chọn bởi các thành viên của Hiệp hội Giáo sư.

5. Một người được bầu chọn bởi các hiệu trưởng các trường đại học quốc gia.

6. Một người được bầu chọn bởi các hiệu trưởng các trường đại học dân lập.

Số lượng thành viên Hội đồng Thẩm phán quốc gia có thể tăng lên 9 người - thêm 2 người được lựa chọn do chính Hội đồng bỏ phiếu kín từ các danh sách được đệ trình với 2 tổ chức đại diện cho những khối lao động và doanh nghiệp.

Ngoài những tiêu chuẩn trên, để có thể được bầu chọn làm thành viên Hội đồng Thẩm phán quốc gia, tối thiểu ứng viên phải sinh tại Peru, là công dân được đào tạo, có kiến thức pháp lý và không dưới 45 tuổi. Các thành viên Hội đồng Thẩm phán quốc gia được hưởng những quyền lợi, đồng thời phải thực hiện các nghĩa vụ tương tự và những trách nhiệm khác. Họ chỉ gặp bất lợi nếu bất lợi này được không dưới 2/3 số nghị sĩ Quốc hội ủng hộ.

Hội đồng Thẩm phán quốc gia có chức năng:

1. Bổ nhiệm - sau khi có cuộc cạnh tranh công khai dựa vào hành động và sự đánh giá cá nhân của các thẩm phán và công tố viên. Sự bổ nhiệm chỉ có hiệu lực nếu được không dưới 2/3 thành viên Hội đồng thông qua.

2. Phê chuẩn các thẩm phán và công tố viên ở mọi cấp theo nhiệm kỳ 7 năm. Quá trình phê chuẩn thì độc lập, không phụ thuộc vào quyền tư pháp hoặc công tố.

3. Áp dụng sự bãi miễn, sa thải đối với thẩm phán và công tố viên ở mọi cấp, kể cả Chánh án Toà án Công lý Tối cao và Viện trưởng Viện Công tố Tối cao.

4. Kéo dài, gia hạn chức vụ của thẩm phán và công tố viên nếu họ được tín nhiệm.

3. Công tố nhà nước

Công tố nhà nước là cơ quan tự trị, bao gồm các công tố viên quốc gia, với bộ phận đứng đầu là Viện Công tố Tối cao. Các công tố viên được lựa chọn bởi ban lãnh đạo Viện Công tố Tối cao (phối hợp cùng Hội đồng Thẩm phán quốc gia) với nhiệm kỳ 3 năm và có thể gia hạn thêm 2 năm bằng cách bầu cử lại. Các thành viên của cơ quan công tố nhà nước đều có nhiều đặc quyền, nhưng cũng kèm theo nghĩa vụ và trách nhiệm tương ứng.

Công tố nhà nước có những chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ sau:

1. Thăng tiến theo năng lực của viên chức, hoặc bởi sự kiến nghị, bằng các hành vi hợp pháp trong việc bảo vệ luật.

2. Bảo vệ tính độc lập của các cơ quan luật pháp và việc quản lý đúng đắn.

3. Đại diện xã hội trong quá trình tố tụng.

4. Thực thi - ngay từ ban đầu - điều tra tội phạm. Cảnh sát quốc gia bắt buộc phải tôn trọng sự uỷ nhiệm của công tố nhà nước đã thực hiện trong chức năng của nó.

5. Khởi tố các hoạt động tội phạm, theo yêu cầu của chính quyền hoặc bởi sự kiến nghị.

6. Trả lại việc xét xử trước, chuyển đến cách giải quyết trong những trường hợp đã được luật pháp dự định.

7. Thực hiện sáng kiến lập pháp và báo cáo trước Quốc hội hoặc với Tổng thống những gì thiếu sót về pháp chế.

4. Tòa án Hiến pháp

Toà án Hiến pháp là cơ quan độc lập và tự trị, có trách nhiệm bảo vệ Hiến pháp. Nó gồm 7 thành viên với nhiệm kỳ 5 năm. Thành viên Toà án Hiến pháp được bầu bởi Quốc hội với không dưới 2/3 nghị sĩ tán thành và để ứng cử vào cương vị này, phải có tiêu chuẩn tối thiểu như một Chánh án Toà án Công lý Tối cao. Những cán bộ tư pháp muốn ứng cử ngoài các tiêu chuẩn trên, còn phải từ bỏ cương vị, hoạt động tư pháp của mình trước lúc bầu ít nhất 1 năm. Thành viên Toà án Hiến pháp được hưởng đặc quyền như Nghị sĩ Quốc hội.

Toà án Hiến pháp có các nhiệm vụ cơ bản:

1. Thực hiện các hành động tài phán đơn phương đối với hành vi vi phạm Hiến pháp.

2. Xúc tiến các nghị quyết chống án, từ chối các hành động bất lợi cho Hiến pháp trong phiên phúc thẩm cuối cùng.

3. Thực thi quyền xét xử đối với các mâu thuẫn pháp lý hoặc của các thuộc tính do Hiến pháp quy định theo pháp luật.

D. Cơ quan kiểm soát trung ương

Cơ quan kiểm soát trung ương - mang tên Tổng Kiểm soát - là một thực thể phân quyền của công pháp mà có quyền tự trị theo luật cơ bản của nó. Đây là cơ quan cấp trên của hệ thống điều khiển quốc gia. Cơ quan này giám sát việc quản lý đối với ngân sách nhà nước, các giao dịch về nợ công khai và hoạt động của các thiết chế theo sự kiểm soát của nó.

Tổng Kiểm soát (đứng đầu bởi Tổng trưởng Kiểm soát) do Quốc hội chỉ định, theo đề cử của cơ quan hành pháp trung ương, có nhiệm kỳ 7 năm. Cơ quan này có thể bị Quốc hội phế bỏ nếu làm những việc gây tổn hại nghiêm trọng.

E. Cơ quan an ninh trung ương

Cơ quan an ninh trung ương thì tự trị và cơ cấu của nó - trong phạm vi quốc gia - được thiết lập bởi luật cơ bản. Để có thể được chọn làm quan chức an ninh, tiêu chuẩn tối thiểu là không dưới 35 tuổi và là người được uỷ quyền. Các quan chức an ninh được tuyển chọn, bãi miễn bởi Quốc hội thông qua không ít hơn 2/3 số phiếu bầu hợp lệ của những nghị sĩ có mặt. Nhiệm kỳ của cơ quan an ninh là 5 năm và có thể bị thay đổi bởi lệnh hiến thị hoặc sự uỷ nhiệm khẩn cấp.

Mọi cơ quan nhà nước bắt buộc phải cộng tác với cơ quan an ninh khi nào được yêu cầu. Nhiệm vụ của cơ quan an ninh là bảo vệ quyền hiến pháp, quyền cá nhân và những gì liên quan đến cộng đồng, giám sát việc thực thi các nhiệm vụ của cơ quan hành chính nhà nước và những dịch vụ công cộng đối với toàn thể công dân. Nó tổng thuật với Quốc hội mỗi năm một lần. Bất cứ khi nào Quốc hội muốn có bản báo cáo tường trình, nó đều có quyền đề xuất kèm với luật pháp và có thể đưa ra những phương án, giải pháp để cho mọi việc trở nên dễ dàng, suôn sẻ hơn.

F. Cơ quan bầu cử Trung ương

Các cơ quan bầu cử trung ương tạo thành hệ thống bầu cử, bao gồm Ban Hội thẩm Bầu cử quốc gia, Văn phòng Thủ tục Bầu cử và Ban Đăng ký Căn cước và Thực trạng dân sự. Các ban

này tự trị, duy trì mối quan hệ và hợp tác lẫn nhau, phù hợp với những nét đặc trưng của mỗi ban.

Chức năng cơ bản của hệ thống bầu cử là kế hoạch, tổ chức và thực thi các cuộc bầu cử, trưng cầu ý dân, sự duy trì và coi giữ những cá nhân đăng ký để nhận ra mọi người, xác định quyền dân sự.

Mục đích của hệ thống bầu cử là để đảm bảo rằng bầu cử phản ánh tính xác thực, tự do và tự giác của toàn thể công dân; cuộc vận động bầu cử phản ánh chính xác và đúng lúc thông qua phiếu bầu.

1. Ban Hội thẩm Bầu cử quốc gia

Quyền lực lớn nhất của Ban Hội thẩm Bầu cử quốc gia thuộc về Hội đồng Chính thức bao gồm 5 thành viên với:

1. Một người được chọn bằng cách bỏ phiếu kín do Toà án Công lý Tối cao thực hiện giữa những vị thẩm phán đương chức và những vị thẩm phán đã về hưu. Người đại diện Toà án Công lý Tối cao chỉ đạo Ban Hội thẩm Bầu cử quốc gia về việc này.

2. Một người được lựa chọn bằng cách bỏ phiếu kín do ban lãnh đạo Viện Công tố Tối cao thực hiện giữa những công tố viên đương chức và những công tố viên đã về hưu.

3. Một người được lựa chọn bằng cách bỏ phiếu kín giữa các thành viên của Hiệp hội Luật sư Lima.

4. Một người được lựa chọn bằng cách bỏ phiếu kín giữa những người cao tuổi nhất trong khoa luật ở các trường đại học quốc gia.

5. Một người được lựa chọn bằng cách bỏ phiếu kín giữa những người cao tuổi nhất trong khoa luật ở các trường đại học dân lập.

Các thành viên trong Hội đồng Chính thức của Ban Hội thẩm Bầu cử quốc gia phải có độ tuổi từ 45-70, họ

được lựa chọn cho nhiệm kỳ 4 năm và có thể được tái bầu. Trong thời gian làm việc cho Ban Hội thẩm Bầu cử quốc gia, họ không được kiêm nhiệm bất cứ chức vụ, công việc nào khác (trừ việc dạy học). Những thành viên còn lại của Ban Hội thẩm Bầu cử quốc gia cũng có nhiệm kỳ 4 năm, cũng không được kiêm nhiệm nhưng không bị giới hạn về độ tuổi.

Chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Hội thẩm Bầu cử quốc gia là:

1. Kiểm soát tính hợp pháp của việc bỏ phiếu tán thành, các thủ tục trưng cầu ý dân và những cuộc thảo luận chuẩn bị cho bầu cử.

2. Duy trì và canh giữ nơi đăng ký của các tổ chức chính trị.

3. Đảm bảo thi hành tính luật pháp tương ứng với các tổ chức chính trị và sự sắp xếp tương ứng với vấn đề bầu cử.

4. Thi hành công lý đối với việc bầu cử.

5. Công bố những người trúng cử, kết quả trưng cầu ý dân, sự thảo luận và thực hiện các giấy uỷ quyền tương ứng.

6. Các chức năng khác theo danh nghĩa bởi pháp luật.

Ban Hội thẩm Bầu cử quốc gia có thể trình bày tính vô hiệu của một tiến trình bầu cử, trưng cầu ý dân hoặc các giải pháp phổ biến khác khi huỷ bỏ phiếu hoặc phiếu trắng, cùng nhau hoặc tách nhau, với không dưới 2/3 số thành viên đồng ý.

2. Văn phòng Thủ tục Bầu cử

Văn phòng Thủ tục Bầu cử đưa ra những hướng dẫn và bố trí cần thiết để duy trì vị trí bảo vệ tư cách pháp nhân trong suốt quá trình bầu cử. Việc sắp xếp này là bắt buộc theo lực lượng vũ trang và cảnh sát.

Người đứng đầu Văn phòng Thủ tục Bầu cử được bổ nhiệm bởi Hội

đồng Thẩm phán quốc gia với nhiệm kỳ 4 năm và có thể bị bãi miễn nếu mắc lỗi nghiêm trọng. Nhiệm vụ của ông ta là tổ chức tất cả các vấn đề về hành chính bầu cử, trưng cầu dân ý, sự tra cứu - bao gồm cả ngân sách, cũng như kế hoạch và thiết kế tài liệu về quyền đi bầu. Ông ta gửi các chứng chỉ và những tài liệu cần thiết khác để thảo luận về việc bầu cử và kết quả của bầu cử. Ông ta cũng tìm những thông tin lâu bền coi như sự tính toán kết quả từ lúc đầu thảo luận tại cuộc bỏ phiếu. Ông ta được thực thi các chức năng đúng danh nghĩa và theo quy định của pháp luật.

3. Ban Đăng ký Căn cước và Thực trạng dân sự

Ban Đăng ký Căn cước và Thực trạng dân sự được giao nhiệm vụ viết giấy khai sinh, khai tử, giấy kết hôn, ly dị và những việc khác có tính dân sự. Cơ quan này chuẩn bị và duy trì phiếu bầu rồi gửi đến Ban Hội thẩm Bầu cử quốc gia và Văn phòng Thủ tục Bầu cử những thông tin cần thiết để thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của họ. Nó duy trì bản khai báo xác nhận của mỗi công dân, chuẩn bị tài liệu xác nhận nhiều thể loại và thực thi các chức năng khác theo pháp luật.

Người đứng đầu Ban Đăng ký Căn cước và Thực trạng dân sự cũng được bổ nhiệm bởi Hội đồng Thẩm phán quốc gia với nhiệm kỳ 4 năm và có thể bị bãi miễn nếu mắc lỗi nghiêm trọng.

G. Chính quyền địa phương

1. Chính quyền khu vực

Những năm gần đây, lãnh thổ Peru được chia thành 11-12 khu vực lớn, mỗi khu vực gồm một vài tỉnh, được quản lý, điều hành bởi một hội đồng. Hội đồng khu vực bao gồm các thành viên là các thị trưởng (30%), các đại diện được dân bầu trực tiếp (40%) và

các đại biểu đến từ những tổ chức đại diện cho các hoạt động văn hoá, kinh tế, xã hội của khu vực (30%); có nhiệm kỳ là 5 năm.

Chính quyền khu vực phải phụ thuộc nhiều vào chính quyền trung ương và quan hệ này càng bất lợi khi đảng phái lãnh đạo chính quyền khu vực lại đối lập với đảng phái lãnh đạo chính quyền trung ương. Về lý thuyết, chính quyền trung ương có nhiệm vụ phải chuyển quỹ, tài sản (ví dụ như doanh nghiệp nhà nước) đến cho các khu vực, nhưng thực tế việc này thực hiện rất chậm chạp. Từ năm 1991, nguồn ngân sách cấp cho chính quyền khu vực liên tục bị cắt giảm. Thêm vào đó, cơ quan hành pháp trung ương cũng rút lại một số quyền ban cho các khu vực trước đây - chẳng hạn như quyền quản lý những khách sạn phục vụ khách du lịch quốc gia - làm cho các vấn đề trở nên khó khăn, mâu thuẫn. Đáp lại, chính quyền khu vực tự tăng cường sự độc lập và đòi hỏi - chẳng hạn từ chối việc thanh toán cho cơ quan hành pháp trung ương những khoản thuế điện.

2. Chính quyền quận huyện và thành đô tự trị

Quận huyện và thành đô tự trị là đơn vị hành chính lãnh thổ cơ bản của Peru (những năm gần đây, nước này có 180-200 đơn vị như vậy). Mỗi chính quyền quận huyện hoặc thành đô tự trị được quản lý, điều hành - theo kiểu tự trị - bởi một hội đồng thành phố (*consejo municipal*), một hội đồng cấp tỉnh (*consejo provincial*) và một hội đồng cấp quận huyện (*consejo distrital*); tất cả những thành viên của các hội đồng này đều được bầu cử trực tiếp với nhiệm kỳ 3 năm. Các chính quyền quận huyện và thành đô tự trị đều có quyền hành pháp lý đối với những cá nhân, tổ chức trong lãnh

địa của mình, có quyền quản lý, sử dụng tài sản, thu nhập, thuế má, giao thông vận tải, dịch vụ công cộng nội bộ, phát triển đô thị và hệ thống giáo dục.

Nguồn tài chính cơ bản của chính quyền quận huyện và thành đô tự trị có từ những khoản thu thuế bất động sản, giấy phép, bằng sáng chế cần thiết cho các dịch vụ chuyên nghiệp, các khoản phí thị trường, thuế xe, thuế cầu đường, những khoản tiền phạt vi phạm, đóng góp của các câu lạc bộ di trú đô thị. Đối với phần lớn quận huyện và thành đô tự trị nơi có lượng lớn dân cư nghèo đói, những người có quyền sở hữu nhà ở rất ít, thậm chí số người có xe cộ đi lại cũng rất ít, đường xá thì không được rải nhựa... và thiếu trầm trọng những dịch vụ cơ bản - chẳng hạn như điện, nước. Rất ít nơi có thể tự cung tự cấp riêng biệt các dịch vụ cần thiết và hầu hết chính quyền quận huyện, thành đô tự trị đều không thể tự tạo ra thu nhập để bù lại hoàn toàn những khoản chi phí hoạt động. Vì vậy, nguồn tài chính phải phụ thuộc nhiều vào chính quyền trung ương và điều này sẽ hạn chế mức độ chủ động, tự trị.

Trong mấy thập niên gần đây, chính quyền quận huyện và thành đô tự trị ở Peru còn phải vất vả chống đỡ với một nguy cơ nữa là khủng bố. Tổ chức "Con đường sáng" (SL) phát động một phong trào thâm độc trong đó nhắm chủ yếu vào các quan chức chính quyền và ứng viên trúng cử; trong giai đoạn 1985-1989, SL đã ám sát 45 thị trưởng. Còn trước cuộc bầu cử 1989, chúng tổ chức bạo động, giết hại hơn 120 quan chức và ứng viên trúng cử, khiến cho 500 người khác phải từ chức vì sợ hãi. Số lượng quận huyện và thành đô tự trị phải đặt trong tình trạng báo động về luật

pháp do nạn khủng bố năm 1990 đạt cao nhất với 90 trong tổng số 185 đơn vị (tỷ lệ này giảm xuống 62 vào năm 1992 và vẫn còn 30 vào năm 1998).

H. Các thiết chế không chính thức

1. Đảng phái chính trị

Peru là nước có hệ thống đa đảng chính trị từ cuối thế kỷ 19; một số đảng đã tồn tại qua nhiều thập kỷ. Nhìn chung, hoạt động của đảng phái chính trị Peru rất sôi nổi, phong phú, phức tạp nhưng tổ chức và liên kết còn rời rạc.

a) Đảng Liên minh Cách mạng Nhân dân châu Mỹ

Liên minh Cách mạng Nhân dân châu Mỹ (Alianza Popular Revolucionaria Americana - APRA) là đảng được thể chế hoá duy nhất và kỳ cựu nhất của Peru do Torre thành lập tại Mexico tháng 5/1924. Chương trình APRA ủng hộ giải pháp chống đế quốc, theo định hướng của chủ nghĩa Marx nhưng chỉ dựa vào người Mỹ Latinh cho các vấn đề của Peru và châu Mỹ Latinh. APRA từng ảnh hưởng đến những phong trào chính trị khắp châu lục này, như gồm cả Phong trào Cách mạng Dân tộc (Movimiento Nacionalista Revolucionario - MRN) của Bolivia và Đảng Giải phóng Dân tộc (Partido Liberacion Nacional - PLN) của Costa Rica. Những năm bị trấn áp và hoạt động lén lút, cũng như vai trò thống trị độc tôn đảng mình của Torre, đã dẫn đến các đặc trưng bè phái, phân chia cấp bậc tương tự như một số đảng cộng sản. Ngoài ra, tư tưởng cơ hội chuyển sang cánh hữu của Torre trong những năm 1950, rồi việc tranh cãi để đạt được địa vị pháp lý cho đảng đã dẫn tới việc một số lãnh tụ trẻ, tài năng nhất của APRA chuyển sang cánh tả Marxist.

Những biến đổi trên đã tạo ra sự chia rẽ giữa APRA với phần còn lại của xã hội và là trở ngại lớn cho việc xây dựng sự nhất trí về dân chủ trong suốt thời gian APRA nắm giữ chính quyền 1985 - 1990. Dù sao, APRA luôn duy trì được phần cốt lõi là những đảng viên trung thành. Họ tạo nên những hoạt động cơ bản của APRA như một phong trào chính trị đa dạng và niềm tin của họ với đảng không mấy đổi thay bởi các biến động phức tạp.

b) Đảng Hành động của nhân dân

Belaunde đã lập ra đảng Hành động của nhân dân (Accion Popular - AP) năm 1956, thiên về cải cách, muốn thay cho lực lượng bảo thủ vẫn bảo vệ hiện trạng và đảng APRA đang gây tranh cãi. Mặc dù thông điệp của Belaunde không hoàn toàn khác với thông điệp của APRA, nhưng chiến thuật của ông ta là hoà nhập hơn và ít đối đầu hơn. AP cũng có thể lôi kéo các thành phần chính trị nào đó như APRA, chủ yếu là giai cấp trung lưu, nhưng nó còn cuốn hút thành phần rộng lớn hơn gồm những nhà chuyên môn, nhân viên văn phòng... AP đã thành công lớn trong bầu cử, giành được chức Tổng thống năm 1963 và 1980, nhưng đảng này có vẻ là một bộ máy bầu cử cho cá nhân Belaunde hơn là một tổ chức được thể chế hoá. Hơn nữa, AP bị coi như một đảng cải lương và vào thập niên 1980 phần lớn giới chính trị đã chuyển sang cánh tả thì AP vẫn ở vị trí trung lập. Từ sau năm 1985, AP chịu nhiều thất bại trong bầu cử, dù có lúc đã liên minh với cả phe cải cách và phe bảo thủ.

c) Đảng Dân chủ Thiên chúa giáo

Đảng Dân chủ Thiên chúa giáo (Partido Democrata Cristiano - PDC) tương đối nhỏ, là đảng cánh hữu trung lập chịu ảnh hưởng của tư

tướng dân chủ Thiên chúa. Cũng được thành lập năm 1956, PDC hơi bảo thủ hơn AP và nghiêng về cánh hữu hơn. PDC chưa lần nào đạt được 10% phiếu bầu cho ứng viên Tổng thống của mình. Từ PDC, một nhóm nhỏ được Luis Bedoya Reyes (Thị trưởng Lima 1963 - 1966) tách ra, lập nên đảng mới mang tên Thiên chúa giáo Nhân dân (Partido Popular Cristiano - PPC) năm 1966.

d) Phái Cánh tả

Chia tách thành các phe phái theo chủ nghĩa Marx, Lenin, Mao, Trotsky và chủ nghĩa xã hội, phái cánh tả ở Peru đã bị phân tán ngay từ gốc gác của nó. Nó có kinh nghiệm đầu tiên khi được thừa nhận là lực lượng bầu cử hợp pháp trong Hội đồng Lập hiến những năm 1978 - 1980 (với cánh tả chiếm 1/3 số đại biểu). Mặc dù có đủ số người cần thiết ở cấp cơ sở, nhưng cánh tả không thể thống nhất đằng sau một mặt trận chính trị trong các cuộc bầu cử năm 1980, họ tranh cử như 9 phe nhóm chính trị riêng biệt. Điều này hạn chế tiềm lực của họ và có lợi cho Belaunde: toàn bộ cánh tả chỉ đạt tổng số 16,7% phiếu bầu, trong khi APRA - dù bị chia nhỏ và thiếu lãnh tụ sau cái chết của Torre - vẫn đạt 27,4%, còn Belaunde giành được tới 45,4%.

Không lâu sau các cuộc bầu cử năm 1981, đa số các phe nhóm theo xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa Marx và chủ nghĩa Mao (trừ SL đã đi vào hoạt động bí mật từ đầu thập niên 1970) đã thành lập Liên minh Cánh tả thống nhất (Izquierde Unida - IU). Vào năm 1986, dưới sự lãnh đạo của Alfonso Barrantes Lingan, IU đã đủ mạnh để giành chính quyền của thủ đô Lima và trở thành lực lượng đối lập với chính phủ do APRA kiểm soát (Barrantes từng chạy đua trong cuộc

bầu cử Tổng thống năm 1985 và giành được tới 22,2% phiếu bầu).

Tuy nhiên, có những bất đồng ngay từ ban đầu giữa phe Barrantes luôn cam kết thực hiện dân chủ, hữu nghị và các phe quá khích hơn ưa "đấu tranh vũ trang". Sự rạn nứt này lên đến tột đỉnh năm 1989 khi Barrantes (chính khách ưu thế nhất trong phái cánh tả) và phần lớn những người ôn hoà (bao gồm Đảng Mariateguista thống nhất - PUM và Đảng Cộng sản Peru - PCP) vẫn còn lại trong IU. Một phái cánh tả bất đồng với nhiều khác biệt về tư tưởng khó có thể coi là giải pháp cho hoàn cảnh rối ren của Peru năm 1990 và trong các cuộc bầu cử năm đó, phái cánh tả thu được số phiếu ít nhất (chưa tới 12%). Tình trạng này vẫn tồn tại trong những năm cuối thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21.

e) Cambio

Nhóm chính trị triết học và cải cách Cambio chỉ mới tham gia hoạt động chính trị vào đầu năm 1990 nhưng tới tháng 6/1991, họ đã trở thành lực lượng chính trị mạnh nhất trong nước. Thành công của Cambio chủ yếu dựa vào sự thành công của Fujimori - một kỹ sư nông nghiệp, Hiệu trưởng trường Đại học Nông nghiệp quốc gia 1984 - 1989, người đã ứng cử và đắc cử Tổng thống Peru năm 1990 do là một chính khách mới mẻ và "ngoài cuộc".

Thành công của Cambio còn do sự tranh cử rất tích cực ở các cơ sở của họ. Họ còn được sự hỗ trợ nhiệt tình của Hiệp hội Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ Peru (APEMIPE) và phong trào của phái Phúc âm. Tuy chỉ dưới 4% dân Peru theo đạo Tin Lành, nhưng những tín đồ Phúc âm cực kỳ tích cực ở cấp cơ sở, đặc biệt tại các khu vực mà các đảng truyền thống yếu, như những khu đô thị lụp xụp và các vùng

nông thôn của Sierra. Mặc dù mới chỉ hoạt động từ tháng 1/1990, nhưng sau 3 tháng, Cambio đã có tới 200.000 thành viên.

Tuy nhiên, thành công của Cambio ở các cuộc bầu cử không chuyển thành bộ máy lâu dài của đảng. Cambio là một mặt trận hơn là một đảng chính trị và khả năng thống nhất của nó bị nghi ngờ trong vài tuần đầu sau khi giành được quyền lực Tổng thống. Hai tổ chức ủng hộ Cambio có rất ít điểm tương đồng với nhau. Mối liên kết của họ với Fujimori hoàn toàn mới mẻ và bị phá vỡ khi Fujimori đưa ra lựa chọn không cần thiết - một chương trình chính thống về "cơ sở kinh tế". Chưa hết 6 tháng cầm quyền, Fujimori đã chấm dứt quan hệ với nhiều người ủng hộ Cambio của mình, kể cả Phó chủ tịch, lãnh tụ phong trào Phúc âm Carlos Garcia y Garcia và APEMIPE. APEMIPE mất dần cảm tình với Fujimori do các doanh nghiệp nhỏ bị việc nâng giá khủng khiếp đe dọa và mở cửa cho cạnh tranh của nước ngoài mà chương trình "cơ sở kinh tế Fuji" đưa lại. Cambio lại phải có những liên kết mới và kết hợp với sự khôn khéo của Fujimori để ông này có thể tái đắc cử Tổng thống năm 1995 và 2000.

2. Các tổ chức không đảng phái

Tiến trình lên nhanh của Cambio phản ánh một hiện tượng có ảnh hưởng sâu rộng hơn ở Peru: sự phát triển của hoạt động chính trị dân chủ ngoài hệ thống. Cùng với sự phát sinh tầm quan trọng về kinh tế của khu vực không chính thức là sự gia tăng về hoạt động và tầm quan trọng của nhiều nhóm chính trị "không chính thức": các tổ chức hàng xóm, các đầu bếp trong cộng đồng, các tổ chức kinh tế bình dân, các tổ chức phi chính phủ. Mặc dù chủ yếu phát sinh bên ngoài

phạm vi của các đảng truyền thống và những hoạt động chính trị, nhưng các nhóm này trở thành những người hoạt động mang tính quyết định trong các hành vi chính trị dân chủ ở cấp địa phương. Về nguồn gốc và cơ cấu thường có tính tự trị và dân chủ, họ thường cảnh giác đối với các đảng phái chính trị - các đối tượng đang cố hợp tác với họ, hoặc ít nhất là để moi tìm sự ủng hộ của họ đối với mục tiêu chính trị có ảnh hưởng sâu rộng hơn. Các tổ chức này chủ yếu quan tâm đến cuộc sống thường ngày ở mức vi mô, như nhận được các dịch vụ điện, nước... Họ thường ủng hộ đảng phái chính trị theo cách thích hợp để đạt được mục đích của mình, nhưng cũng dễ rút lại sự ủng hộ đó khi nó không tạo ra kết quả rõ ràng. Họ có xu hướng - nhưng chẳng xu hướng nào cố định - bầu cho các đảng của cánh tả. Điều này có thể giải thích một phần nhờ sự tiếp cận với các phong trào cơ sở của cánh tả Peru thường (nhưng không phải là luôn luôn) ít bè phái và phân chia đảng cấp hơn các đảng truyền thống (như APRA). Do đó, quan hệ của các nhóm không chính thức với các đảng chính trị không đơn giản và rõ ràng chút nào. Các kết quả bầu cử gần đây cho thấy dân nghèo thành thị nhiều khi có xu hướng bầu cho cánh tả. Họ có ít quan hệ ràng buộc với đảng phái chính trị và cũng hoàn toàn sẵn lòng bầu cho những người hoạt động không đảng phái (ứng viên độc lập). Vì yêu cầu của dân nghèo thành thị đối với các dịch vụ là rất cấp bách, nên việc bỏ phiếu của họ thường được xác định rõ nhất theo lời hứa đáng tin cậy nhất đối với việc cung cấp dịch vụ cơ bản. Mọi mục đích chính trị lớn hơn của các đảng chỉ được quan tâm sau khi các yêu cầu thiết yếu đã được đáp ứng. Tuy nhiên,

khoảng cách địa vị giữa các nhóm không chính thức với các đảng chính trị vẫn còn lớn vì các đảng tham gia vào hầu hết các cấp chính quyền, còn các nhóm thì ít hoặc không. Dù sao, vai trò của các nhóm không chính thức ngày càng trở nên quan trọng trong hệ thống chính trị Peru và chúng là đối tượng rất được quan tâm trong mối quan hệ đối ngoại của đảng phái, đồng thời cũng là thành phần để đối chiếu, so sánh trong những cuộc dân chủ hóa và cải cách nội bộ mỗi đảng.

3. Các nhóm áp lực

a) Lực lượng quân sự

Quân đội Peru lâu nay đóng vai trò to lớn trong các tổ chức chính trị quốc gia, cho dù trực tiếp hay gián tiếp. Trước cuộc cách mạng 1968, lực lượng quân sự được coi như kẻ trông giữ những lợi ích của phe bảo thủ và sự tham gia của nó vào mọi vấn đề chính trị thường đem lại sự cản trở đối với nhiều giải pháp "cấp tiến", đặc biệt là của APRA. Cuộc khởi nghĩa APRA và vụ trả đũa quân sự đẫm máu 1932 đã tạo ra một thời kỳ bạo lực kéo dài cùng mối quan hệ đầy căng thẳng giữa hai phe. Cuối năm 1962, khi Tướng Peres cầm đầu lực lượng nổi dậy thực thi chiến dịch ngăn chặn Torre lên giữ chức Tổng thống, người ta thấy rõ ràng lực lượng quân sự luôn sẵn sàng sử dụng tới những phương tiện ngoài Hiến pháp để ngăn chặn, không cho APRA nắm quyền.

Tuy nhiên, cũng từ năm 1962, lực lượng quân sự không còn là kẻ giữ gìn những lợi ích của tầng lớp thượng lưu trong xã hội nữa, đồng thời không ngừng bị ảnh hưởng bởi một trường phái tư tưởng quân sự mới - Học thuyết An ninh Quốc gia - quy định rằng vấn đề phát triển và các cuộc cải cách xã hội phải luôn gắn liền với vấn

đề an ninh quốc gia. Trung tâm Nghiên cứu Quân sự cao cấp (CAEM) tại Lima chính là nơi đề xướng học thuyết này vào những năm 1950 và 1960. Ngoài ra, sự tham gia của lực lượng quân sự Peru trong các cuộc tấn công phong trào du kích tại miền Nam Sierra vào những năm 1960 đã đặt nhiều sĩ quan trong tình thế trước những điều kiện khó khăn của tầng lớp người nghèo ở nông thôn và các bất ổn tiềm ẩn do những điều kiện đó gây ra.

Vì vậy, sự can thiệp của lực lượng quân sự năm 1968 không còn là một hoạt động quân sự điển hình. Thay vào đó, nó trở thành một nỗ lực lấy quân sự làm trọng để thực hiện các cuộc cải cách kinh tế sâu rộng, chẳng hạn như ban hành Luật Cải cách điền địa năm 1969, Luật Khu công nghiệp năm 1970. Nhưng việc thiếu hiểu biết của lực lượng quân sự về xã hội dân sự đã làm thất bại công cuộc cải tổ. Khi lực lượng quân sự già từ quyền lực năm 1980, nó đã để lại một "tài sản" là vấn đề thiếu quản lý kinh tế, sự cải cách dang dở, xã hội ngày càng tiêu cực và phân cấp chính trị hơn so với lúc mà nó lên nắm quyền.

Tuy nhiên, cuộc thí nghiệm cách mạng của lực lượng quân sự đã làm thay đổi hình ảnh của thể chế, cũng như các quan điểm của nó về những lợi ích từ việc kiểm soát trực tiếp của chính phủ. Ít nhất là trong tương lai gần, nó không còn được phép can thiệp trực tiếp vào các vấn đề chính trị. Nó cũng không được xem như là một tổ chức bảo thủ nguyên khối nữa mà thay vào đó là một lực lượng đã từng cố gắng làm điều mà không một lực lượng chính trị nào có thể làm: chuyển đổi nền kinh tế và xã hội quốc gia một cách cực đoan. Sự thất bại của nó có lẽ đã tăng cường tiếng nói của

các nhân vật bảo thủ trong hàng ngũ quân đội, nhưng họ cũng nhận thức được rằng công cuộc cải cách xã hội và vấn đề phát triển kinh tế cực kỳ quan trọng đối với sự ổn định của xã hội Peru cũng như toàn thể nền an ninh quốc gia.

b) Nhà thờ Công giáo

Mặc dù Peru không có một tôn giáo chính thức, nhưng với 91% dân số theo Thiên chúa giáo La Mã (Công giáo), nhà thờ Công giáo đã được công nhận trong Hiến pháp, được coi là xứng đáng với sự hợp tác và ưu tiên của Nhà nước. Theo truyền thống hình thành từ thời kỳ thuộc địa, nhà thờ Công giáo giữ độc quyền tôn giáo trên lãnh thổ Peru.

Nhà thờ Công giáo được tổ chức chặt chẽ suốt từ trung ương tới cơ sở, đứng đầu là 18 giám mục với 1 Tổng Giám mục. Trong hệ thống cấp bậc nhà thờ Công giáo Peru, luôn tồn tại hai khuynh hướng và cả hai khuynh hướng đều ít nhiều ảnh hưởng. Những thành viên bảo thủ thường đi theo tiếng gọi của Giáo hoàng Vatican - người đề xướng, chủ trì tính chất chính thống thần học và sự điều khiển của nhà thờ. Khuynh hướng đối lập thuộc về những thành viên cấp tiến của nhà thờ Mỹ Latinh- những người tán thành sự uỷ trị của Tòa thánh Vatican II, ủng hộ giới tăng lữ trở nên tích cực hơn trong cuộc đấu tranh của nhân loại để vươn tới hoà bình, công bằng và để giúp người nghèo tự phát huy khả năng của chính bản thân họ hơn là chấp nhận thần mệnh.

Tại cơ sở, nhà thờ Công giáo hoạt động tích cực trong việc lập ra các tổ chức hàng xóm và những nhóm tự giúp đỡ như các đầu bếp trong cộng đồng và các câu lạc bộ của những người mẹ. Mọi hoạt động của nhà thờ ở cấp này là để giải quyết tranh chấp

mang tính lý thuyết ở mức độ cao hơn. Các tổ chức nhà thờ liên quan như Caritas (Catholic Relief Services) hoạt động cung cấp cho người dân địa phương thực phẩm và những nguồn viện trợ từ phía nước ngoài. Caritas có một hệ thống gồm những quan chức cấp cao trên khắp đất nước và ít nhất có thể cạnh tranh với bất cứ bộ hay tổ chức nào của Nhà nước.

Khi phải đối mặt với sự suy yếu của những thể chế nhà nước, vai trò của giáo hội Công giáo đối với các tầng lớp nhân dân trở lên quan trọng hơn. Tuy nhiên, nó cũng gặp phải khó khăn không nhỏ là sự thù địch của các tổ chức du kích cực tả (nhất là SL) - các tổ chức chống đối cả nhà thờ, Nhà nước lẫn sự hợp tác của hai thành phần này. Trong những năm 1980, nhiều cuộc truyền đạo và trợ cấp cho tín đồ của giáo hội đã bị quân du kích chặn phá, nhiều giáo sĩ bị SL ám sát.

c) Các tổ chức kinh tế

Các tổ chức kinh tế quan trọng ở Peru là Tổ chức Công nghiệp quốc gia (SNI), Liên minh quốc gia Các doanh nghiệp tư nhân (CONFIEP) và Tổ chức Các doanh nghiệp Vừa và Nhỏ Peru (APEMIPPE). Về truyền thống, các tổ chức trên chỉ đóng vai trò nhỏ trong lĩnh vực chính trị. Tuy nhiên, từ những năm 1980, đi đôi với nhiều chính sách chỉnh đốn và cải tổ kinh tế, các tổ chức này đã liên quan tích cực tới những hoạt động chính trị tâm cơ quốc gia.

Doanh nghiệp có tổ chức trong nước chưa bao giờ tạo ra những ảnh hưởng đặc biệt ở Peru. Thay vào đó, ảnh hưởng lớn chính là từ những công ty lớn nước ngoài, chẳng hạn Tổng Công ty Dầu khí quốc tế (IPC), hoặc bởi các đại gia - như Romeros và Wieses, những người mà đã nắm giữ chủ yếu

các ngành công nghiệp đa dạng. Nhưng với tình hình kinh tế từ tháng 5/1991 và việc giảm đáng kể đầu tư nước ngoài, thành phần kinh tế tư nhân trong nước đã nâng cao tầm quan trọng của lĩnh vực kinh tế có liên quan đến mình. Trong tương lai, các thành phần kinh tế Peru sẽ tiếp tục sử dụng những tổ chức của chúng để tác động mạnh hơn vào hệ thống chính trị.

d) Liên đoàn lao động

Phong trào lao động tại Peru cũng có từ rất sớm nhưng ngày càng suy yếu và cho tới năm 1968 thì nó đã phải liên kết chặt chẽ với APRA. Bị ảnh hưởng rất nhiều bởi các doanh nghiệp chống hợp nhất, bởi kiến thức xã hội và nông thôn của nhiều thành viên của nó, nên lao động không thể hợp nhất một bộ phận gắn liền với các lợi ích giai cấp. APRA đã thống trị Liên minh Công nhân Peru (Confederacion de Trabajadores del Peru-CTP), Liên minh này được thành lập năm 1944 và được chính thức công nhận năm 1964. Cuộc tranh giành lao động chính thức giữa CTP với APRA đã xảy ra và có một mối tương quan trực tiếp giữa hoạt động liên minh với quan hệ pháp lý của APRA đã bị cấm bởi chính phủ quân sự. APRA quan tâm tới việc sử dụng phong trào lao động cho mục đích riêng của mình hơn là đề cao các mục tiêu về lao động có tổ chức (ví dụ, APRA đã cắt bớt hoạt động bãi công trong suốt những năm hợp tác với chính phủ của Tổng thống Prado 1939-1945, 1956-1962).

Hoạt động liên minh này đã tăng nhanh trong thời kỳ chính phủ quân sự với việc đưa ra một bộ luật lao động mới và Luật Cải cách Công nghiệp, và những cuộc tổng bãi công dẫn đầu bởi liên minh đã lên đến cực

điểm vào các năm 1977-1978. Tuy nhiên, luật lao động và công nghiệp - tạo thêm khó khăn trong việc giải tán công nhân ở Peru hơn là ở bất cứ quốc gia có nền công nghiệp hoá nào - đã có tác dụng làm nản chí khu vực làm công. Điều này kết hợp cùng việc suy thoái kinh tế những năm 1980 đã dẫn tới việc giảm đáng kể về năng lực của các liên đoàn lao động vào những năm 1990.

Sau năm 1968, phong trào lao động của những người cộng sản - Liên minh Những người lao động Peru (Confederacion General de Trabajadores del Peru - CGTP) - đã được công nhận và bắt đầu xoá dần sự thao túng của APRA. Trung tâm Những người lao động của Cách mạng Peru (Central de Trabajadores de la Revolucion Peruana-CTRP) cũng được thành lập bởi quân đội, coi như là một cố gắng để điều khiển phong trào của những người lao động. Từ năm 1980, việc mở rộng các ngành công nghiệp của Nhà nước khiến mỗi ngành đều có liên minh riêng đã làm tăng đáng kể các nhóm công nhân có tổ chức, nổi bật nhất là Công đoàn của Những người công nhân được đào tạo (SUTEP) và Hiệp hội quốc gia Những công nhân Luyện kim và Khai thác mỏ Peru (FNTMMSP). Ngay cả tổ chức du kích SL cũng có liên minh riêng là Phong trào của Giai cấp Công nhân và Nhân dân lao động (Movimiento de Obreros y Trabajadores Clasistas - MOTC). Dù sao, từ những năm 1990, CTP vẫn giữ vị trí quan trọng hàng đầu trong những liên đoàn lao động ở Peru.

e) Tầng lớp sinh viên

Sinh viên tham gia mạnh mẽ vào các tổ chức chính trị ở Peru (chẳng hạn, APRA được khởi xướng bởi sinh viên và lập ra như một hiệp hội của

sinh viên với công nhân). Từ những năm 1960, số trường đại học tăng mạnh đã làm tăng số người là sinh viên trong nhiều tổ chức chính trị, xã hội. Với những nhà lãnh đạo là sinh viên, cả APRA và cánh tả cũng đóng vai trò quan trọng trong việc chống lại quân đội vào cuối những năm 1970. Phù hợp cùng sự phát triển trong mối quan hệ sức mạnh của những người theo chủ nghĩa Marx về lĩnh vực chính trị là sự có mặt của sinh viên gia tăng. Từ những năm 1990, luôn có một đội ngũ người đứng đầu tổ chức sinh viên tại các trường đại học, liên kết với nhiều nhóm xã hội và đảng phái chính trị. Sở dĩ phong trào sinh viên rất sôi nổi là do số lượng của họ ngày càng nhiều, năng lực hoạt động của họ rất cao, khả năng có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp đại học ngày càng ít và khó khăn hơn. Nhiều người không xin được việc làm đã lao vào hoạt động chính trị tự do, thậm chí đầu quân cho phong trào du kích.

Tổ chức sinh viên gây tai tiếng nhất là phong trào cực tả "Con đường sáng" (SL). Nó ra đời và phát triển nhanh trong trường đại học Huamanga ở Ayacucho từ những năm 1970. Ông Abimael Guzman Reynoso - giáo sư đại học và sau này làm hiệu trưởng - đã sáng lập và lãnh đạo SL. SL đã kiểm soát tinh thần phong trào sinh viên của các trường đại học Peru trong nhiều năm với triết lý của nó, tựa như một thuyết cấp tiến. Nó kích động sinh viên đấu tranh vũ trang, hình thành một tổ chức du kích luôn chống phá chính quyền. Thuyết cấp tiến là sự kêu gọi, lôi cuốn, nhưng thực tế tình trạng bạo lực cao trong đó tự nó đã biểu thị và rất khó thay thế. Chính phủ và quân đội Peru phải vất vả đối

phó mới dần làm tan rã được phong trào SL vào cuối những năm 1990.

f) Phương tiện truyền thông tin tức

Những năm gần đây, Peru là một nước có công nghiệp in ấn tự do và đa dạng nhất thế giới, vì hầu như không có một sách báo nào bị cấm xuất bản. Nhật báo *El Comercio. Expreso* là tờ báo uy tín nhất của Nhà nước, từng do các bộ trưởng Kinh tế và Tài chính làm tổng biên tập. Một phần báo nổi tiếng khác của Nhà nước là *El Peruano*. Các đảng phái chính trị và nhóm áp lực cũng có cơ quan ngôn luận của mình, đáng chú ý là tạp chí *Oiga* của cánh hữu, hai tờ báo *Caretas* và *Si* chủ trương ôn hoà được xuất bản hàng tuần, còn *Quehacer* là một bản nguyệt san thường cảm thông với cánh tả.

Peru hiện có tất cả hơn 140 kênh tivi của cả Nhà nước và tư nhân. Kênh 4 của Nhà nước cung cấp những tin tức tương đối khách quan, công bằng nên đã gây ra cuộc cạnh tranh ác liệt từ phía các kênh tư nhân. Chương trình được ưa chuộng "Panorama" được truyền đi rộng rãi các cuộc phỏng vấn hàng loạt chính trị gia, nhà khoa học và thậm chí cả quân du kích cùng những người đang gây sự chú ý, tranh luận. Nhiều tổ chức đã có lợi nhờ chương trình này, ví dụ MRTA đã tìm được lối vào nền chính trị quốc gia khi mà sự đảm nhiệm của Juanjui ở Văn phòng San Martin được trình bày qua "Panorama".

Phương tiện truyền thông ở Peru nói chung là đa dạng, có tính cạnh tranh, cung cấp nhiều tin tức và sự kiện chọn từ các lĩnh vực chính trị. Dân số Peru khá đông nhưng nhà nghèo cũng có tivi, hiện nay còn được hỗ trợ bởi các kỹ thuật điện tử hiện đại và phương tiện Internet. Từ năm 1991, thông qua Sắc lệnh 171 của Tổng thống Fujimori, phương tiện truyền thông đại chúng được khẳng định vai trò quan trọng đối với việc nâng cao ý thức công cộng. Tuy nhiên, sự tự do, dân chủ thái quá của nó cũng ít nhiều gây cản trở đối với việc quản lý, điều hành của chính quyền ■

Tài liệu tham khảo:

1. Henry F. Dobyns & Paul L. Doughty, *Peru: A Cultural History*, Oxford University Press, New York, 1996.
2. Paul Gootenberg, *Between Silver and Guano: Commercial Policy and the State in Postindependence Peru*, Princeton University Press, Princeton, 1998.
3. Jeffrey Frieden, Manuel Pastor Jr. & Michael Tomz, *Modern Political Economy and Latin America*, Westview Press, Boulder, 2000.
4. Harvey F. Kline & Howard J. Wiarda, *Latin American Politics and Development*, Westview Press, Boulder, 2000.
5. Benjamin Keen, *Latin American Civilization*, Westview Press, Boulder, 2000.
6. Orin Stern & Robin Kirk, *The Peru Reader: History, Culture, Politics*, Duke University Press, Durham, 2002.
7. Các website: www.perupost.com/...; www.politicalresources.net/peru...; www.perulink.com/pages/english/Government_and_Politics/...